

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU
INOX KIM VĨ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>		
Ông Đỗ Hùng	Chủ tịch HĐQT	20/03/2009
Ông Đỗ Hoà	Thành viên	20/03/2009
Bà Đỗ Thị Thu Trang	Thành viên	20/03/2009
Ông Lê Trần Vũ Đạt	Thành viên	23/01/2015
Ông Lưu Xuân	Thành viên	23/01/2015
<u>Ban kiểm soát</u>		
Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Trưởng ban	06/03/2012
Bà Nguyễn Đài Trang	Thành viên	20/03/2009
Ông Nguyễn Tăng Minh	Thành viên	20/03/2009
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>		
Ông Đỗ Hùng	Tổng giám đốc	20/03/2009
Ông Đỗ Hoà	Phó Tổng Giám đốc	20/03/2009
Bà Lê Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	30/11/2011
Ông Trần Trung Nghĩa	Kế toán trưởng	01/09/2011

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Đỗ Hùng, chức danh Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



ĐỖ HÙNG – Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2016

11/7/16

2723:
ÔNG
NHIỆM
DÀN
T VI
HỒ

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ, được lập ngày 15 tháng 08 năm 2016 từ trang 6 đến trang 41 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.3 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó thể hiện số tiền Trả trước cho người bán về việc thực hiện dự án mở rộng sản xuất, mua máy móc và xây lắp với số tiền 194.000.000.000 đồng tương ứng với 100% giá trị hợp đồng. Đến thời điểm kiểm toán, Công ty vẫn đang tiến hành hoàn tất các thủ tục mua bán đất và máy móc thiết bị cho dự án.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VĂN NAM HẢI - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán : 0832-2013- 037 -1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016		31/12/2015	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		615.596.128.515		250.446.467.583	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	21.269.656.149		7.559.379.429	
1. Tiền	111		11.396.351.592		7.559.379.429	
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.873.304.557		-	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-		-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		388.085.785.239		52.672.661.924	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	31.471.770.514		30.523.734.167	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	243.726.670.295		19.107.580.551	
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	10.000.000.000		-	
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	102.887.344.430		3.041.347.206	
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	203.801.196.019		188.060.446.842	
Hàng tồn kho	141		203.801.196.019		188.060.446.842	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.439.491.108		2.153.979.388	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.813.936.075		1.528.424.355	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		611.300.817		611.300.817	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	14.254.216		14.254.216	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		176.452.849.259		186.541.831.666	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		885.941.297		885.941.297	
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	885.941.297		885.941.297	
II. Tài sản cố định	220		167.640.406.230		177.669.878.069	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	114.256.155.167		122.586.537.400	
Nguyên giá	222		196.523.243.968		194.847.615.094	
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.267.088.801)		(72.261.077.694)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	10.272.042.598		11.265.617.194	
Nguyên giá	225		13.535.381.907		13.535.381.907	
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.263.339.309)		(2.269.764.713)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	43.112.208.465		43.817.723.475	
Nguyên giá	228		45.808.473.300		45.808.473.300	
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.696.264.835)		(1.990.749.825)	
III. Bất động sản đầu tư	230		-		-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		781.758.005		856.243.743	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	781.758.005		856.243.743	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-		-	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.144.743.727		7.129.768.557	
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	7.144.743.727		7.129.768.557	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		792.048.977.774		436.988.299.249	

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Tharh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		278.820.630.645	259.199.185.850
I. Nợ ngắn hạn	310		247.308.200.626	220.458.277.277
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	2.326.545.784	1.917.746.976
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	36.681.245	41.134.189
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	5.184.660.040	5.036.938.402
4. Phải trả người lao động	314		1.388.774.799	871.096.826
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	637.442.606	271.013.488
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	189.731.549	12.011.024
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	237.544.364.603	212.308.336.372
II. Nợ dài hạn	330		31.512.430.019	38.740.908.573
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	31.512.430.019	38.740.908.573
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		513.228.347.129	177.789.113.399
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	513.228.347.129	177.789.113.399
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		495.000.000.000	165.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		495.000.000.000	165.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(74.372.727)	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.302.719.856	12.789.113.399
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		12.789.113.398	328.352.290
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		5.513.606.458	12.460.761.109
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		792.048.977.774	436.988.299.249

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2016



ĐỖ HÙNG
Tổng Giám đốc

TRẦN TRUNG NGHĨA
Kế toán trưởng

TRƯƠNG VĨNH THỊ LÊ HÀNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MÁU B 02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	206.512.607.342	223.421.129.588
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	81.890.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		206.512.607.342	223.339.239.588
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	178.481.348.414	191.367.338.024
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.031.258.928	31.971.901.564
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	117.776.553	233.197.789
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	10.048.261.198	10.073.998.862
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.819.531.674	9.672.298.875
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	2.582.175.269	2.763.562.946
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	8.391.255.408	8.219.802.086
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.127.343.606	11.147.735.459
11. Thu nhập khác	31		6.082.118	3.160.000.000
12. Chi phí khác	32		193.186.181	249.993.096
13. Lợi nhuận khác	40	VI.8	(187.104.063)	2.910.006.904
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.940.239.543	14.057.742.363
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1.426.633.085	3.147.701.800
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.513.606.458	10.910.040.563
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	327	661
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10b	327	661

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2016

ĐỖ HÙNG
Tổng Giám đốc

TRẦN TRUNG NGHĨA
Kế toán trưởng

TRƯƠNG VĨNH THỊ LÊ HẰNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	MẪU B 03a-DN	
			Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Đơn vị tính: VND Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.940.239.542	14.057.742.362
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		11.705.100.713	10.792.306.598
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	217.822.639
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(87.222.930)	(3.356.751.618)
- Chi phí lãi vay	06		9.819.531.674	9.672.298.875
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28.377.648.999	31.383.418.856
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(325.413.123.315)	(11.515.692.273)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15.740.749.177)	(14.605.910.632)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.146.801.596	156.466.739
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(300.486.890)	266.139.626
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.453.102.556)	(9.332.755.401)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.325.968.681)	(1.206.661.553)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(322.708.980.024)	(4.854.994.638)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.601.143.136)	(7.048.824.008)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	3.160.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		87.222.930	196.751.618
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.513.920.206)	(3.692.072.390)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		329.925.627.273	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		220.704.439.552	358.322.279.391
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(201.166.411.321)	(351.213.927.712)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.530.478.554)	(487.975.598)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		347.933.176.950	6.620.376.081
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		13.710.276.720	(1.926.690.947)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.559.379.429	5.057.692.389
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(217.822.639)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	21.269.656.149	2.913.178.803



TRẦN TRUNG NGHĨA
 Kế toán trưởng

TRƯƠNG VĨNH THỊ LÊ HẰNG
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU B 09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010382 ngày 22 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cho đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 số 0302124121 vào ngày 24 tháng 9 năm 2014.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 173/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng 16.500.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 165.000.000.000 VND. Ngày 27 tháng 3 năm 2015, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là KVC.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ 1 số 13/2015/GCNCP-VSD-1 ngày 15 tháng 6 năm 2016 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 16.500.000 cổ phiếu lên 49.500.000 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 165.000.000.000 VND lên 495.000.000.000 VND.

- **Vốn điều lệ** : 495.000.000.000 VND
- Số cổ phiếu : 49.500.000 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động chính**

Địa chỉ : Số 117 Đường Võ Văn Bích, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 08 3 797 9009

Fax : 08 3 797 9100

Mã số thuế : 0 3 0 2 1 2 4 1 2 1

- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ**

Địa chỉ : Ấp 11 Đường Võ Văn Bích, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Mã số chi nhánh : 0 3 0 2 1 2 4 1 2 1 - 0 0 1

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

• Chi nhánh Lý Thường Kiệt - Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ

Địa chỉ : 22/48 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Mã số chi nhánh : 0 3 0 2 1 2 4 1 2 1 - 0 0 2

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: cán, kéo định hình inox dạng cuộn – dây - ống – U – V (không hoạt động tại trụ sở);

Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở);

Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: Bán buôn inox;

Nhà hàng và các loại dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;

Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất, gia công định hình inox (không hoạt động tại trụ sở);

Xây dựng nhà các loại;

Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác, chi tiết: Mua bán xe chuyên dùng, xe tải, máy công cụ, máy xúc đào, máy công nghiệp;

Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản);

Bán buôn đồ uống;

Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào;

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, chi tiết: mua bán máy nông nghiệp;

Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ bình gas, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ.UBND ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ.UBND ngày 17 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh);

Vận tải hành khách đường bộ khác;

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyên);

Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh);

Hoạt động thư viện và lưu trữ;

Hoạt động bảo tồn, bảo tàng;

Hoạt động thể thao khác (trừ hoạt động của các chuồng nuôi ngựa đua, các chuồng nuôi chó);

Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh bất động sản, mua bán, cho thuê nhà ở;

Cho thuê xe có động cơ;

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đại lý du lịch;

Điều hành tua du lịch.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong kỳ, Công ty phát hành thêm 33.000.000 cổ phiếu để thực hiện tăng vốn cho dự án đầu tư máy móc thiết bị và nhà xưởng. Ảnh hưởng việc tăng vốn và phát hành thêm cổ phiếu làm cổ phiếu bị pha loãng dẫn đến lợi nhuận chưa phân phối giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm,

6. Cấu trúc Công ty

Tại cuối kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm trụ sở chính và 2 chi nhánh. Chi tiết như sau:

Chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ	Ấp 11 Đường Võ Văn Bích, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi
Chi nhánh Lý Thường Kiệt - Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ	22/48 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11

7. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 233 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 218 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 thuộc kỳ kế toán năm thứ chín của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11; Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm Báo cáo tài chính giữa niên độ. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản cho vay.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng trường hợp, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Thu nhập lãi tiền cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị khoản cho vay.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm; các khoản phải thu không mang tính thương mại tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11; Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

10. Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán/ máy tính.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... và do cổ đông Đỗ Hùng góp vốn. Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất.

Phần mềm máy tính/ kế toán

Giá trị phần mềm máy tính/ kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính/ kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 - 8 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

13. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước công cụ dụng cụ.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được

11/11/2016 10:00 AM



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 5 năm.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN,...

15. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THI CÔNG SỔ 117

M.S.D.N.

0277
CƠ
RÁCH
KIỂM
TƯÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11; Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

18. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

1111
H
P
P
V
1111

U302
TR
K

3703-
NG TY
MIỆM HƯ
ĐOÀN - T
ẤT V
TPT

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

22. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

1237
ÔNG
CHÍNH
MTC
Đ
AN

CHÍNH
VĂN
IẾT
CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11; Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/06/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Tiền mặt	922.501.396	2.259.828.131
Tiền gửi ngân hàng	10.473.850.196	5.299.551.298
Các khoản tương đương tiền (i)	9.873.304.557	-
Cộng	<u>21.269.656.149</u>	<u>7.559.379.429</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam với lãi suất 4,5% /năm.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>30/06/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Cơ Sở Kim Phú	3.200.000.000	-
Cơ sở Thành Công	1.900.000.000	-
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng An Lạc	-	1.748.696.400
Công ty TNHH MTV Thép Không Gi Đông Á	209.914.143	1.618.320.297
Công Ty TNHH Đầu Tư Duy Phương	2.479.901.300	-
Công ty TNHH Xây dựng - Sản xuất và Thương mại Phước An	994.585.060	4.676.782.006
Công ty TNHH Xây dựng - Sản xuất và Thương mại Phước An	106.500	106.500
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Inox Hồng Phước Thành	1.115.546.300	-
Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Phước Thắng	5.363.054.496	13.147.760.579
Công ty TNHH Inox Thành Phát	2.581.239.580	1.558.715.879
Công ty Cổ Phần Sản Xuất - Kinh Doanh Toàn Mỹ	2.638.072.505	-
Công ty TNHH Vạn Hưng Phúc	280.138.230	1.228.725.430
Khách hàng khác	10.709.212.400	6.544.627.076
Cộng	<u>31.471.770.514</u>	<u>30.523.734.167</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>30/06/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Công ty CP Sài Gòn Chuyên Dùng	-	200.000.000
Công ty CP sản xuất kinh doanh Đại Thống (1)	60.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển TM Đức Hùng	-	13.926.466
Công ty TNHH In Ấn Huy Duy Phát	-	12.540.000
Công ty CP Chứng Khoán Hưng Thịnh	62.500.000	62.500.000
Công ty TNHH Công Nghệ Kim Long (2)	134.000.000.000	-
Công ty CP TM Dịch Vụ Ngọc An	128.000.000	-
Công ty TNHH TM DV XD Nguyễn Phạm	5.000.000.000	-
Công ty Cổ Phần Sa Trung Kiên (3)	26.891.028.850	11.687.599.190
Công ty CP Kinh doanh Sản xuất Hoa Sen	16.500.000.000	-
Jiangsu Honggang Industries Co.,Ltd	-	574.945.362
Ningbo Yaoyi International Trading Co., LTD	-	2.378.015.060
Shandong Mengyin Huarun Imp. & Exp. Co., Ltd.	1.127.641.445	4.160.554.473
Văn Phòng Luật Sư Bách Việt	17.500.000	17.500.000
Cộng	<u>243.726.670.295</u>	<u>19.107.580.551</u>

- (1) Công ty ứng trước 100% theo hợp đồng số 001/HĐMB/KV-ĐT-2016, 002/HĐGC/KV-ĐT/2016 và hợp đồng nguyên tắc đầu tư hệ thống xử lý chất thải và xử lý bụi kèm theo Phụ lục.
- (2) Công ty ứng trước 100% theo hợp đồng số 001/HĐMB/KV-KL/2016 và Phụ lục số 001.01/PL/KV-KL/2016.
- (3) Công ty ứng trước 100% giá trị hàng thực tế theo từng đơn hàng theo hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 0405STK/HĐNT/2016 và Phụ lục số 0405STK/HĐNT/2016_PL001.

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>30/06/2016</u>		<u>31/12/2015</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyễn Thị Thu Nga (1)	4.000.000.000	-	-	-
Lê Văn Viễn (2)	3.000.000.000	-	-	-
Lê Thị Hồng Tuyết (3)	3.000.000.000	-	-	-
Cộng	<u>10.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

- (1) Hợp đồng vay số 03_2016/HD ngày 24/06/2016 kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 0,67%/tháng tính từ ngày nhận tiền vay.
- (2) Hợp đồng vay số 01_2016/HD ngày 24/06/2016 kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 0,67%/tháng tính từ ngày nhận tiền vay.
- (3) Hợp đồng vay số 02_2016/HD ngày 24/06/2016 kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 0,67%/tháng tính từ ngày nhận tiền vay.



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu khác

	30/06/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	102.887.344.430	-	3.041.347.206	-
Nguyễn Thị Yến Nhi (1)	38.500.000.000		-	
Trịnh Thị Ngọc Hạnh (2)	21.500.000.000		-	
Hồ Ngọc Giàu (3)	36.000.000.000		-	
Tạm ứng	5.445.085.715	-	1.784.452.984	-
- Nguyễn Thanh Phương	35.933.024		35.933.024	
- Trịnh Thị Ngọc Hạnh	4.357.262.679		1.400.112.706	
- Nguyễn Thị Kim Quyên	-		111.223.528	
- Trần Thị Thanh Trà	1.000.000.000		-	
- Trần Thị Thảo	51.890.012		171.958.865	
- Lê Minh Toàn	-		65.224.861	
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.027.948.375		706.336.650	
Phải thu khác	414.310.340		550.557.572	
b) Phải thu dài hạn khác	885.941.297	-	885.941.297	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	885.941.297	-	885.941.297	-
Cộng	103.773.285.727	-	3.927.288.503	-

(1) Khoản tạm ứng thực hiện mua bán quyền sử dụng đất và thực hiện hợp đồng nguyên tắc mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 203_01 ngày 20/03/2016. Theo hợp đồng, ông Đỗ Hùng và bà Lê Thị Hồng Hạnh đồng ý hứa bán dứt, bà Nguyễn Thị Yến Nhi đồng ý mua dứt 5.709,5 m² thửa đất số 575-579, tờ bản đồ số 14, tuân thủ các yêu cầu/ quy định hiện hành về chuyển nhượng Nhà Đất ở của Nhà nước và Pháp luật. Bà Nguyễn Thị Yến Nhi đồng ý bán cho Công ty lô đất trên. Khi ông Đỗ Hùng và bà Lê Thị Hồng Hạnh hoàn tất thủ tục sang tên cho bà Nguyễn Thị Yến Nhi thì bà Nguyễn Thị Yến Nhi sẽ có trách nhiệm sang tên lô đất trên cho Công ty. Thời gian để ông Đỗ Hùng và bà Lê Thị Hồng Hạnh thực hiện chuyển mục đích đất sang đất sản xuất kinh doanh để chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Yến Nhi là 180 ngày và ký công chứng chuyển nhượng không quá 30 ngày kể từ ngày làm xong thủ tục chuyển nhượng mục đích sử dụng đất. Trong vòng 15 ngày kể từ khi đất được sang tên cho bà Nguyễn Thị Yến Nhi, bà Nguyễn Thị Yến Nhi phải có trách nhiệm sang tên cho Công ty.

(2) Khoản tạm ứng thực hiện mua bán quyền sử dụng đất và thực hiện hợp đồng nguyên tắc mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 203_02 ngày 20/03/2016. Theo hợp đồng, ông Đỗ Hùng và bà Lê Thị Hồng Hạnh đồng ý hứa bán dứt, bà Trịnh Thị Ngọc Hạnh đồng ý mua dứt 5.709,5 m² thửa đất số 875, tờ bản đồ số 65, tuân thủ các yêu cầu/ quy định hiện hành về chuyển nhượng Nhà Đất ở của Nhà nước và Pháp luật. Bà Trịnh Thị Ngọc Hạnh đồng ý bán cho Công ty lô đất trên. Khi ông Đỗ Hùng và bà Lê Thị Hồng Hạnh hoàn tất thủ tục sang tên cho bà Trịnh Thị Ngọc Hạnh thì bà Trịnh Thị Ngọc Hạnh sẽ có trách nhiệm sang tên lô đất trên cho Công ty. Thời gian để ông Đỗ Hùng và bà Lê Thị Hồng Hạnh thực hiện chuyển mục đích đất sang đất sản xuất kinh doanh để chuyển nhượng cho bà Trịnh Thị Ngọc Hạnh là 180 ngày và ký công chứng chuyển nhượng không quá 30 ngày kể từ ngày làm xong thủ tục chuyển nhượng mục đích sử dụng đất. Trong vòng 15 ngày kể từ khi đất được sang tên cho bà Trịnh Thị Ngọc Hạnh, bà Trịnh Thị Ngọc Hạnh phải có trách nhiệm sang tên cho Công ty.

(3) Khoản tạm ứng mua bán hàng hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11; Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	30/06/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	35.569.990.303	-	13.659.073.362	-
Công cụ, dụng cụ	8.975.014.907	-	9.642.563.013	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.423.393.977	-	4.758.589.239	-
Thành phẩm	76.270.038.907	-	76.523.583.419	-
Hàng hóa	75.562.757.925	-	83.476.637.809	-
Cộng	203.801.196.019	-	188.060.446.842	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, hàng tồn kho với giá trị là 23.807.142.857 VND đã được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Bản Việt.

7. Chi phí trả trước

	30/06/2016	31/12/2015
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	1.813.936.075	1.528.424.355
Công cụ, dụng cụ	1.813.936.075	1.528.424.355
b) Chi phí trả trước dài hạn	7.144.743.727	7.129.768.557
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.604.551.939	5.659.413.733
Chi phí sửa chữa	1.540.191.788	1.470.354.824
Cộng	8.958.679.802	8.658.192.912

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VÍ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2016	89.382.719.542	101.825.871.755	2.639.623.663	999.400.134	194.847.615.094
Tăng trong kỳ	361.210.171	1.257.691.203	56.727.500	-	1.675.628.874
Mua trong kỳ	-	684.819.750	-	-	684.819.750
Đầu tư XDCB hoàn thành	361.210.171	572.871.453	56.727.500	-	990.809.124
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
30/06/2016	89.743.929.713	103.083.562.958	2.696.351.163	999.400.134	196.523.243.968
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2016	20.518.326.242	48.599.154.622	2.314.336.150	829.260.680	72.261.077.694
Tăng trong kỳ	4.832.168.960	5.061.977.997	79.236.882	32.627.268	10.006.011.107
Khấu hao trong kỳ	4.832.168.960	5.061.977.997	79.236.882	32.627.268	10.006.011.107
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
30/06/2016	25.350.495.202	53.661.132.619	2.393.573.032	861.887.948	82.267.088.801
Giá trị còn lại					
01/01/2016	68.864.393.300	53.226.717.133	325.287.513	170.139.454	122.586.537.400
30/06/2016	64.393.434.511	49.422.430.339	302.778.131	137.512.186	114.256.155.167

Giá trị còn lại tài sản thế chấp nợ vay tại ngày 30/06/2016 là 64.111.945.992 VND (tại ngày 31/12/2015 là 72.123.338.315 VND).

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 16.714.476.613 VND (tại ngày 31/12/2015 là 16.129.484.189 VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
01/01/2016	11.931.346.453	1.604.035.454	13.535.381.907
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
30/06/2016	11.931.346.453	1.604.035.454	13.535.381.907
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2016	1.675.963.946	593.800.767	2.269.764.713
Tăng trong kỳ	833.171.052	160.403.544	993.574.596
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	833.171.052	160.403.544	993.574.596
Giảm trong kỳ	-	-	-
30/06/2016	2.509.134.998	754.204.311	3.263.339.309
Giá trị còn lại			
01/01/2016	10.255.382.507	1.010.234.687	11.265.617.194
30/06/2016	9.422.211.455	849.831.143	10.272.042.598
GTCL của TSCĐ đảm bảo nợ thuê:			
01/01/2016	10.255.382.507	1.010.234.687	11.265.617.194
30/06/2016	9.422.211.455	849.831.143	10.272.042.598

10. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính/ kế toán	Cộng
Nguyên giá			
01/01/2016	43.112.261.000	2.696.212.300	45.808.473.300
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
30/06/2016	43.112.261.000	2.696.212.300	45.808.473.300
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2016	1.047.261.396	943.488.429	1.990.749.825
Tăng trong kỳ	523.630.698	181.884.312	705.515.010
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	523.630.698	181.884.312	705.515.010
Giảm trong kỳ	-	-	-
30/06/2016	1.570.892.094	1.125.372.741	2.696.264.835
Giá trị còn lại			
01/01/2016	42.064.999.604	1.752.723.871	43.817.723.475
30/06/2016	41.541.368.906	1.570.839.559	43.112.208.465

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- CN Hóc Môn: 41.541.368.906 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Mua sắm tài sản cố định	715.454.545	-	-	-
- Xe ô tô tải cầu	715.454.545	-	-	-
Xây dựng cơ bản	66.303.460	-	597.388.443	-
- Mở rộng xưởng A6	-	-	361.210.171	-
- Xây dựng Trạm cân	-	-	236.178.272	-
- Giếng khoan số 2	3.000.000	-	-	-
- Xây dựng xưởng cơ khí	63.303.460	-	-	-
Sửa chữa tài sản cố định	-	-	258.855.300	-
- Sửa chữa lò ủ số 3	-	-	137.998.080	-
- Sửa chữa lò ủ số 5	-	-	120.857.220	-
Cộng	781.758.005	-	856.243.743	-

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty điện lực TP HCM	472.659.140	472.659.140	332.776.111	332.776.111
Công ty TNHH TM DV VT Hòa Bình	85.543.710	85.543.710	117.470.096	117.470.096
Công ty TNHH TM DV SX Kiến Nam	191.214.757	191.214.757	56.817.143	56.817.143
Công ty TNHH Trần Hoạt	232.831.038	232.831.038	133.935.813	133.935.813
Công ty CP Gas Việt Nhật	219.181.875	219.181.875	276.781.857	276.781.857
DNTN SX TM DV Thái Phương	241.642.830	241.642.830	241.215.920	241.215.920
Jiangsu Honggang Industries Co.,Ltd	402.176.343	402.176.343	-	-
Nhà cung cấp khác	481.296.091	481.296.091	758.750.036	758.750.036
Cộng	2.326.545.784	2.326.545.784	1.917.746.976	1.917.746.976

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2016	31/12/2015
Cơ sở Inox Phương Khanh	507.200	1.009.700
Công ty TNHH Sản Xuất Xây Dựng Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Bát Đạt	275.700	2.174.700
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Bình Châu	711.900	712.699
Công ty TNHH Thép Không Gỉ Đại Tín	-	30.753.300
Công ty TNHH Duy Luận	199.800	199.800
Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Dịch Vụ	184.701	189.600

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Gia Phát**

Công ty TNHH Huỳnh Quốc Hùng Industrial	574.295	578.544
Công ty CP Sản xuất và Đầu tư Phát triển Rạng Đông	-	2.448.000
Công ty TNHH SX TM DV Thành Nhân TNE	32.700.100	-
Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Thuận Tấn	-	1.254.998
Khách hàng khác	1.527.549	1.812.848
Cộng	36.681.245	41.134.189

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2016
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.450.400.621	2.588.611.881	1.542.574.281	2.496.438.221
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	10.051.393.414	10.051.393.414	-
Thuế xuất, nhập khẩu	(14.254.216)	37.882.275	37.882.275	(14.254.216)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.585.084.518	1.426.633.085	2.325.968.681	2.685.748.922
Thuế thu nhập cá nhân	1.453.263	8.871.989	7.852.355	2.472.897
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
<i>Thuế môn bài</i>	-	<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>	-
Cộng	5.022.684.186	14.118.392.644	13.970.671.006	5.170.405.824

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	14.254.216	14.254.216
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.036.938.402	5.184.660.040

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng:

- *Doanh thu nội địa: 10%*

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.9.

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác hàng năm theo qui định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

2370

IG T
EM H
AN - T
T VII

H H B

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>30/06/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Chi phí lãi vay phải trả	637.442.606	271.013.488
Cộng	<u>637.442.606</u>	<u>271.013.488</u>

16. Phải trả ngắn hạn khác

Bảo hiểm xã hội	149.170.320	12.011.024
Bảo hiểm y tế	26.328.187	-
Bảo hiểm thất nghiệp	11.570.140	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.662.902	-
Cộng	<u>189.731.549</u>	<u>12.011.024</u>

C.T.P.
HẠN
VĂN
T
CHI

V

11/07/16

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VÍ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Trong năm				Số có khả năng trả nợ	
	01/01/2016		30/06/2016			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		
17. Vay và nợ tài chính						
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
- Ngân hàng ACB (1)	212.308.336.372	212.308.336.372	219.874.439.552	194.638.411.321	237.544.364.603	237.544.364.603
- Ngân hàng Vietcombank (2)	11.560.000.000	11.560.000.000	15.506.000.000	22.666.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000
- Ngân hàng Bản Việt (3)	109.997.864.672	109.997.864.672	103.966.955.230	115.366.411.321	98.598.408.581	98.598.408.581
- Ngân hàng Agribank (4)	3.300.000.000	3.300.000.000	21.735.000.000	5.070.000.000	19.965.000.000	19.965.000.000
- Ngân hàng Vietinbank (5)	83.950.000.000	83.950.000.000	62.132.000.000	51.486.000.000	94.596.000.000	94.596.000.000
	3.500.471.700	3.500.471.700	16.534.484.322	50.000.000	19.984.956.022	19.984.956.022
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
	38.740.908.573	38.740.908.573	830.000.000	8.058.478.554	31.512.430.019	31.512.430.019
Vay dài hạn ngân hàng						
- Ngân hàng Eximbank (6)	32.416.040.000	32.416.040.000	830.000.000	6.528.000.000	26.718.040.000	26.718.040.000
- Ngân hàng Agribank (7)	5.836.800.000	5.836.800.000	830.000.000	3.338.600.000	3.328.200.000	3.328.200.000
	26.579.240.000	26.579.240.000	-	3.189.400.000	23.389.840.000	23.389.840.000
Nợ thuê tài chính dài hạn						
- Công ty TNHH MTV Cho thuê TCNH Sài Gòn Thương Tín (8)	6.324.868.573	6.324.868.573	-	1.530.478.554	4.794.390.019	4.794.390.019
	468.052.400	468.052.400	-	87.760.200	380.292.200	380.292.200
- Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam (9)	1.888.964.013	1.888.964.013	-	683.615.604	1.205.348.409	1.205.348.409
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam (10)	3.967.852.160	3.967.852.160	-	759.102.750	3.208.749.410	3.208.749.410
Cộng	251.049.244.945	251.049.244.945	220.704.439.552	202.696.889.875	269.056.794.622	269.056.794.622

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

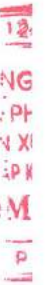
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- [1] **Khoản vay tại ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng cấp tín dụng số KHO.DN.632.101215 và hợp đồng tín dụng số KHO.DN.819.101215 ngày 11 tháng 12 năm 2015**
- Hạn mức lần lượt là: 2.000.000,00 USD
39.000.000.000 VND
5.000.000.000 VND
- Lãi suất** 8,4%/ năm hoặc theo từng lần nhận nợ
- Mục đích** Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh thép không rỉ, nhập khẩu thép, các ngành nghề trong giấy phép kinh doanh... Trong đó hạn mức không có TSĐB là 5.000 triệu đồng
- Tài sản đảm bảo** Khoản vay được đảm bảo bởi bên thứ ba bằng bất động sản theo hợp đồng thế chấp số KHO.BĐDN.275.151214 ngày 17/12/2014 và hợp đồng thế chấp số KHO.DN.296.111213/PL-01
- [2] **Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN TPHCM theo Hợp đồng tín dụng số 0016/KH/16NH ngày 8/1/16**
- Hạn mức** 120.000.000.000 VND
- Lãi suất** Theo từng lần nhận nợ
- Mục đích** Bổ sung vốn lưu động, chiết khấu có truy đòi chứng từ hàng XK, bảo lãnh phát hành thư tín dụng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của bên B với bên thứ 3
Thực hiện hạn mức tín dụng khác theo quy định và các mục đích cụ thể theo từng lần vay vốn
- Tài sản đảm bảo** Khoản vay này được đảm bảo bởi bên thứ ba Ông Đỗ Hùng- Bà Hồng Hạnh theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0457/NHNT và 0458/NHNT ngày 19 tháng 5 năm 2016
Ông Đình Phú - Bà Thu Trang theo hợp đồng thế chấp số 0459/NHNT ngày 18 tháng 5 năm 2016
- [3] **Khoản vay tại ngân hàng TMCP Bản Việt theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0162/149/00314/02.HDTDHM ngày 07 tháng 10 năm 2015**
- Hạn mức** 45.000.000.000 VND
- Lãi suất** Theo từng lần nhận nợ
- Mục đích** Thanh toán L/C nhập khẩu trả ngay
- Tài sản đảm bảo** Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị 23.807.142.857 VND và được đảm bảo bởi bên thứ ba là ông bà Đỗ Hùng – Đỗ Thị Thu Trang theo hợp đồng thế chấp số 25/00315/01B.HĐTCQSDD ngày 23/03/2015
- [4] **Khoản vay tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- CN Hóc Môn theo hợp đồng tín dụng số 6140-LAV-201601063 ngày 29 tháng 04 năm 2016**
- Hạn mức** 100.000.000.000 VND
- Lãi suất** 7,5% hoặc theo từng lần nhận nợ
- Mục đích vay** Bổ sung vốn lưu động sản xuất, kinh doanh thép không rỉ
- Tài sản đảm bảo** Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất ống thép không rỉ theo Hợp đồng thế chấp số

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6140-LCL-201400974, 6140-LCL-201600426, 6140-LCL-201600296

Quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số 6140-LCL-201400974, 6140-LCL-201402149

Tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng thế chấp 6140-LCL-201400977, dây chuyền máy đánh bóng inox theo Hợp đồng thế chấp số 6140-LCL-201500285.

- [5] Khoản vay tại ngân hàng Công Thương Việt Nam – CN Bắc Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 029/2015- HĐTDHM/NHCT948-KIMVI ngày 14 tháng 12 năm 2015

Hạn mức	100.000.000.000 VND
Lãi suất	Theo từng lần nhận nợ
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động
Tài sản đảm bảo	Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của bên thứ 3 theo các hợp đồng thế chấp 025/2016-HĐTC, 026/2016-HĐTC, 027/2016-HĐTC, 043/2016-HĐTC

- [6] Vay dài hạn Ngân hàng NN & PT NT Việt Nam - CN Hóc Môn
Hợp đồng tín dụng số 6140-LAV-201500505 ngày 6/02/2015, 6140-LAV-200905458 ngày 4/6/2009, 6140-LAV-201203588 ngày 15/6/2012, 6140-LAV-201005982 ngày 18/5/2010

Tổng số tiền	44.300.000.000 VND
Số dư tại 31/12/2015	23.389.840.000 VND
Tài sản đảm bảo	Toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay theo dự án đầu tư sản xuất thép không rỉ và quyền sử dụng đất của bên thứ ba theo hợp đồng thế chấp 6140-LCL-201400974

- [7] Vay dài hạn ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quận 11
Hợp đồng tín dụng số 1015-LAV-201401217 ngày 04 tháng 11 năm 2014

Hạn mức	7.300.000.000 VND
Tài sản đảm bảo	Khoản vay được đảm bảo là máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp số: 121/2015/EIB-Q.11/TC

Hợp đồng tín dụng số 1015-LAV-201600062 ngày 15 tháng 01 năm 2016

Hạn mức	830.000.000 VND
Tài sản đảm bảo	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản xe tải biển số 51C-723.58 theo hợp đồng thế chấp số 04/2016/EIB-Q11/TC

- [8] Nợ thuê tài chính ngân hàng Sacombank số SBL010201308001 ngày 1/8/2013

Tài sản thuê	Xe Ford Ranger biển số 51C32169
Giá trị	527.000.000 VND
Lãi suất	12,5% năm
Thời gian trả nợ	60 tháng kể từ ngày 9/8/2013

Nợ thuê tài chính ngân hàng Sacombank số SBL010201308002 ngày 31/7/2013

Tài sản thuê	01 xe ô tô tải có thùng, biển số 51C31673
Giá trị	525.000.000 VND
Lãi suất	11,25%/năm
Thời gian trả nợ	60 tháng kể từ 30/8/2013

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

30272
CÓN
CH NH
M TỌ
ĐẤT
L-FF

122
T
AN
JAT
HAI
V
TO

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- [9] **Nợ thuê tài chính ngân hàng Vietcom theo hợp đồng cho thuê tài chính số 55.13.13/CTTC ngày 10/12/2013, 73.14.01/CTTC ngày 10/13/2014, 73.14.01/CTTC ngày 25/3/2014, 73.14.06/CTTC 15/8/2014**

Tài sản thuê	Hệ thống trục đỡ và hộp giảm tốc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải	
Giá trị	6.675.222.196	VND
Lãi suất	0,25%/ tháng	
Thời gian trả nợ	36 tháng kể từ ngày 10/1/2014, 10/4/2014, 10/4/2014	

- [10] **Nợ thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam theo hợp đồng 2014-00133-000 ngày 7/8/2014, 2015-123-000 ngày 27/7/2015**

Tài sản thuê	Trục cán dùng cho máy cán nhập khẩu 2015 xuất xứ Trung Quốc	
Giá trị	5.996.520.000	VND
Lãi suất	8,82% - 9,63%	
Thời gian trả nợ	36 tháng	

18. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2015	165.000.000.000	-	328.352.290	165.328.352.290
Tăng (giảm) vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi (lỗ) trong năm trước	-	-	12.460.761.109	12.460.761.109
01/01/2016	165.000.000.000	-	12.789.113.399	177.789.113.399
Tăng (giảm) vốn trong năm nay (*)	330.000.000.000	(74.372.727)	-	330.000.000.000
Lãi (lỗ) trong năm nay	-	-	5.513.606.457	5.439.233.730
30/06/2016	495.000.000.000	(74.372.727)	18.302.719.856	513.228.347.129

(*) Công ty tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 25 tháng 5 năm 2016 thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn của đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, Công ty đăng ký với Ủy ban chứng khoán nhà nước phát hành thêm 33.000.000 cổ phiếu bán ra công chúng với mệnh giá thấp nhất 10.000 đồng/cổ phiếu. Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ sử dụng cho mục đích nâng cấp, sửa chữa máy móc thiết bị, mua đất, xây dựng thêm nhà kho, mua thêm dây chuyền sản xuất.

Cổ phiếu

	30/06/2016	30/06/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49.500.000	16.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	49.500.000	16.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>49.500.000</i>	<i>16.500.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.500.000	16.500.000
Cổ phiếu phổ thông	49.500.000	16.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	Đơn vị tính	30/6/2016	31/12/2015
Đô la Mỹ	USD	1.538,52	1.568,96

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Doanh thu bán hàng	198.008.304.842	220.880.273.320
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.504.302.500	2.540.856.268
Cộng	206.512.607.342	223.421.129.588

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại	-	81.890.000
Cộng	-	81.890.000

3. Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng	176.048.503.495	190.226.676.865
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.432.844.919	1.140.661.159
Cộng	178.481.348.414	191.367.338.024

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi	87.222.930	14.437.102
Lãi chênh lệch tỷ giá	30.553.623	218.760.687
Cộng	117.776.553	233.197.789

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11; Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Lãi tiền vay	9.819.531.674	9.672.298.875
Lỗ chênh lệch tỷ giá	228.729.524	401.699.987
Cộng	10.048.261.198	10.073.998.862

6. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	768.143.652	925.066.515
Chi phí công cụ, dụng cụ	66.626.141	218.807.022
Chi phí khấu hao	313.175.450	307.155.282
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.381.087.181	1.213.544.424
Chi phí bằng tiền khác	53.142.845	98.989.703
Cộng	2.582.175.269	2.763.562.946

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	3.433.153.402	3.428.672.923
Chi phí đồ dùng văn phòng	290.435.128	234.184.078
Chi phí khấu hao	3.566.262.354	2.918.422.661
Thuế, phí và lệ phí	26.414.213	62.534.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	794.659.581	1.230.066.132
Chi phí bằng tiền khác	280.330.730	345.922.292
Cộng	8.391.255.408	8.219.802.086

8. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thu nhập khác	6.082.118	3.160.000.000
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	3.160.000.000
Điều chỉnh công nợ	673.118	-
Thu nhập khác	5.409.000	-
Chi phí khác	193.186.181	249.993.096
Phạt nộp chậm, truy thu thuế	192.925.881	249.993.096
Điều chỉnh công nợ	260.300	-
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	(187.104.063)	2.910.006.904

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	6.940.239.543	14.057.742.363
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	192.925.881	249.993.096
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	192.925.881	249.993.096
- Chi phí phạt nộp chậm, truy thu thuế	192.925.881	249.993.096
Trừ: Lỗ các năm trước được kết chuyển	-	-
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	7.133.165.424	14.307.735.459

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11; Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế suất áp dụng	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.426.633.085	3.147.701.800
Điều chỉnh	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.426.633.085	3.147.701.800

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

10. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.513.606.458	10.910.040.563
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.513.606.458	10.910.040.563
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.866.667	16.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	327	661

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.513.606.458	10.910.040.563
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	5.513.606.458	10.910.040.563
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.866.667	16.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<i>Cộng: Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	16.866.667	16.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	327	661

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	160.838.065.857
Chi phí nhân công	9.342.021.729
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.705.100.713
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.647.377.443
Chi phí bằng tiền khác	333.473.575
Cộng	191.866.039.317

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Chi phí lãi vay phải trả	637.442.606	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Tiền lương	546.308.000	549.807.148
Phụ cấp, tiền thưởng	26.260.179	50.900.000
Cộng	572.568.179	600.707.148

2. Báo cáo theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý của Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa lý của khách hàng của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam. Bộ phận sản xuất và dịch vụ được đặt tại Miền Nam.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	530.139.090	7.899.838.088	198.082.630.164	206.512.607.342
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	530.139.090	7.899.838.088	198.082.630.164	206.512.607.342
Chi phí sản xuất kinh doanh theo bộ phận	458.179.967	6.827.543.230	171.195.625.217	178.481.348.414
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	71.959.123	1.072.294.858	26.887.004.948	28.031.258.928
Doanh thu hoạt động tài chính	302.345	4.505.370	112.968.839	117.776.553
Chi phí tài chính	25.794.919	384.381.552	9.638.084.727	10.048.261.198
Chi phí bán hàng	6.628.709	98.777.342	2.476.769.217	2.582.175.269
Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.541.215	320.995.216	8.048.718.976	8.391.255.408
Thu nhập khác	15.613	232.663	5.833.842	6.082.118
Chi phí khác	495.929	7.390.055	185.300.197	193.186.181
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.662.314	54.573.764	1.368.397.007	1.426.633.085
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.153.995	210.914.960	5.288.537.504	5.513.606.459

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	30/06/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.269.656.149	21.269.656.149	7.559.379.429	7.559.379.429
Phải thu của khách hàng	31.471.770.514	31.471.770.514	30.523.734.167	30.523.734.167
Phải thu về cho vay	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Phải thu khác	98.328.200.012	98.328.200.012	2.142.835.519	2.142.835.519
Cộng	161.069.626.675	161.069.626.675	40.225.949.115	40.225.949.115
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	2.326.545.784	2.326.545.784	1.917.746.976	1.917.746.976
Chi phí phải trả	637.442.606	637.442.606	271.013.488	271.013.488
Phải trả khác	2.662.902	2.662.902	-	-
Các khoản vay	269.056.794.622	269.056.794.622	251.049.244.945	251.049.244.945
Cộng	272.023.445.914	272.023.445.914	253.238.005.409	253.238.005.409

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.2a và số V.2c.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
30/06/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.269.656.149	-	-	21.269.656.149
Phải thu của khách hàng	31.471.770.514	-	-	31.471.770.514
Phải thu về cho vay	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Phải thu khác	97.442.258.715	885.941.297	-	98.328.200.012
Cộng	160.183.685.378	885.941.297	-	161.069.626.675
Phải trả cho người bán	2.326.545.784	-	-	2.326.545.784
Chi phí phải trả	637.442.606	-	-	637.442.606
Phải trả khác	2.662.902	-	-	2.662.902
Các khoản vay	237.544.364.603	31.512.430.019	-	269.056.794.622

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Số 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	240.511.015.895	31.512.430.019	-	272.023.445.914
Chênh lệch thanh khoản thuần	(80.327.330.517)	(30.626.488.722)	-	(110.953.819.239)
31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.559.379.429	-	-	7.559.379.429
Phải thu của khách hàng	30.523.734.167	-	-	30.523.734.167
Phải thu khác	1.256.894.222	885.941.297	-	2.142.835.519
Cộng	39.340.007.818	885.941.297	-	40.225.949.115
Phải trả cho người bán	1.917.746.976	-	-	1.917.746.976
Chi phí phải trả	271.013.488	-	-	271.013.488
Các khoản vay	212.308.336.372	38.740.908.573	-	251.049.244.945
Cộng	214.497.096.836	38.740.908.573	-	253.238.005.409
Chênh lệch thanh khoản thuần	(175.157.089.018)	(37.854.967.276)	-	(213.012.056.294)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngày 18 tháng 7 năm 2016, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302124121 thay đổi lần thứ 10. do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 165.000.000.000 VND lên 495.000.000.000 VND tương ứng tăng từ 16.500.000 cổ phiếu lên 49.500.000 cổ phiếu.

Ngoài (các) sự kiện trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2016



ĐỖ HÙNG
Giám đốc

TRẦN TRUNG NGHĨA
Kế toán trưởng

TRƯƠNG VĨNH THỊ LÊ HÀNG
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ